

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đoàn Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Kế

2. Bà Vũ Thị Toan

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thơm – Thư ký Toà án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên toà: - Ông Nguyễn Mạnh Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2019/HSST ngày 31 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo:

MAI THỊ H, sinh năm 1981

HKTT: Ngõ 266 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 0/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Mai Văn Q và bà có chồng là Đinh Văn T và 02 con, lớn sinh năm 2008 và nhỏ sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 6 năm 2006 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản với mức phạt 200.000 đồng; Bị tạm giữ từ ngày 07/11/2018 đến ngày 13/11/2018 và bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/11/2018.

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Bị hại: Chị Trần Thị Th, sinh năm 1973; địa chỉ: thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên “vắng mặt”.

- Người làm chứng:

Anh Đinh Văn Th, sinh năm 1981; địa chỉ: Ngõ 266 đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên;

Anh Trần Văn H, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn B, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên

Đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ, ngày 06/11/2018, H một mình điều khiển xe đạp loại khung đơn, giỏ xe bằng nhựa màu đen, yên sau chằng gác ba ga kim loại đã cũ đi dọc theo quốc lộ 39 A đến thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên để mua phế liệu. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, H đi đến trước nhà của chị Trần Thị Th thấy cổng mở, nhìn vào bên trong không thấy có người, lúc này chị Th đang dọn nhà ở tầng 2. H đi vào sân thấy cửa chính mở, không có ai bên trong nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. H đi vào phòng khách, đến phòng ngủ của vợ chồng chị Th thấy bên trong phòng ngủ có kê 01 bàn làm việc ở góc tây Nam, H đi đến ngòai xỏm rồi dùng tay phải mở cánh tủ, thấy bên trong có 01 ví da màu đen loại nắp cài bên ngoài và khoá kéo phía trong. Tay trái H cầm ví, tay phải mở kiểm tra bên trong thấy có 23.500.000 đồng để trong tờ giấy gấp đôi. H liền lấy toàn bộ số tiền trên giấu vào túi quần bên phải đang mặc sau đó đi ra ngoài và đạp xe về nhà cất giấu. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày chị Th phát hiện bị mất số tiền trên và trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Ngày 07/11/2018, H đến Công an huyện T đầu thú đồng thời giao nộp số tiền 23.500.000 đồng đã trộm cắp và 01 xe đạp, 01 áo dài tay màu xanh đã cũ, 01 nón lá quai nón bằng vải màu tím đã cũ. Cũng trong ngày 07/11/2018, Cơ quan Công an huyện T tiến hành khám xét nơi ở của H thì không thu giữ đồ vật, tài sản gì khác.

Ngày 13/12/2018, Công an huyện T đã trả lại cho chị Th toàn bộ số tiền 23.500.000 đồng. Chị Th đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự đối với Mai Thị H.

Bản cáo trạng số 04/CT-VKS ngày 29 tháng 01 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên truy tố bị cáo Mai Thị H về tội “ Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên toà: Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trên cơ sở toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được HĐXX

thẩm tra tại phiên toà, lời khai của bị cáo đã có đủ căn cứ xác định bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS. Do đó, VKS giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo, đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Mai Thị H từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là theo quy định của pháp luật và buộc bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự. Giao bị cáo cho UBND phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo vi phạm nghĩa vụ chấp hành án 02 lần trở lên thì có thể bị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã tuyên.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Th đã nhận đủ số tiền bị mất nên không có yêu cầu và đề nghị gì.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Trả lại cho bị cáo 01 xe đạp đã qua sử dụng; 01 áo dài tay màu xanh đã cũ và 01 nón lá có quai nón bằng vải màu tím đã cũ;

- Trả lại chị Trần Thị Th 01 ví da màu đen;

Bị cáo còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị HĐXX xét xử theo đúng quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên toà hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án

nếu lời khai của bị hại, người làm chứng, biên bản hiện trường; biên bản thu giữ hình ảnh ...nên Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ, ngày 06/11/2018, tại nơi ở của chị Trần Thị Th tại thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên, Mai Thị H đã có hành vi lén lút trộm cắp của chị Th số tiền 23.500.000đồng. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015 như cáo trạng của VKSND huyện T truy tố là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo là người khỏe mạnh không tự ý thức được việc lao động làm ăn chân chính để kiếm sống mà lại trộm cắp tài sản của người khác để phục vụ nhu cầu của cá nhân từ đó dẫn đến các tệ nạn xã hội khác; đồng thời gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước. Do đó cần phải xét xử nghiêm minh trước pháp luật, dành cho bị cáo một mức hình phạt thỏa đáng mới đủ sức giáo dục bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân và các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo.

Về nhân thân: Tháng 6 năm 2006 bị cáo Mai Thị H bị Công an huyện T xử phạt hành chính số tiền 200.000 đồng về hành vi trộm cắp tài sản, đến ngày 28/12/2018 mới nộp tiền phạt. Tuy nhiên, HĐXX xét thấy, sau khi ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, Cơ quan có thẩm quyền đã không thông báo cho chính quyền địa phương nơi người vi phạm cư trú; không theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc chấp hành quyết định xử phạt hành chính nên căn cứ khoản 2 Điều 73, khoản 2 Điều 74 và khoản 2 Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính cần áp dụng theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo H và cho bị cáo được hưởng thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tính đến thời điểm phạm tội đã quá 01 năm kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính nên được coi là chưa bị xử lý hành chính nhưng vẫn phải xác định là người có nhân thân xấu.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn, hối cải; phạm tội nhưng đã tự nguyện bồi thường thiệt hại; bên cạnh đó sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo do vậy bị cáo được hưởng

tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định như trên, HĐXX xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, không bị áp dụng tình tiết tăng nặng TNHS; đồng thời xét thấy bị cáo có khả năng tự cải tạo nên chỉ cần xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của đời sống xã hội như đề nghị của đại diện VKSND huyện T tại phiên tòa hôm nay.

Qua lời khai của bị cáo cũng như biên bản xác minh về hoàn cảnh kinh tế của bị cáo HĐXX xét thấy: Bị cáo là người có trình độ nhận thức hạn chế, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, chồng không có việc làm ổn định, con cái còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; 01 xe đạp đã qua sử dụng loại khung đơn, giỏ xe bằng nhựa màu đen, yên sau chằng gác ba ga kim loại đã cũ; 01 áo dài tay màu xanh đã cũ; 01 nón lá quai nón bằng vải màu tím đã cũ là của bị cáo nên trả lại cho bị cáo;

01 ví da màu đen loại có nắp chốt bên ngoài, bên trong một khoá kéo đã qua sử dụng của chị Trần Thị Th nên trả lại cho chị Th.

Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác là có căn cứ, được HĐXX chấp nhận.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 45, 46, 260, 268, 269, 299, 326, 327, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự; Khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Mai Thị H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mai Thị H 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao bị cáo cho UBND phường A, thành phố H, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi

nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo 01 xe đạp đã qua sử dụng loại khung đơn, giỏ xe bằng nhựa màu đen, yên sau chằng gác ba ga kim loại đã cũ; 01 áo dài tay màu xanh đã cũ; 01 nón lá quai nón bằng vải màu tím đã cũ.

Trả lại chị Trần Thị Th, sinh năm 1973; địa chỉ thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên 01 ví da màu đen loại có nắp chốt bên ngoài, bên trong một khoá kéo đã qua sử dụng.

(Tình trạng số lượng vật chứng theo phiếu nhập kho ngày 28/02/2019 giữa cơ quan Công an và Chi cục THSDS huyện T)

5. Về án phí: Bị cáo Mai Thị H phải chịu 200.000đ án phí sơ thẩm hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, vắng mặt bị hại. Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- CQCSĐT Công an huyện T;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Đoàn Ngọc Thanh

TAND HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Hưng Yên.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Văn Ngà và bà Vũ Thị Toan

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 17/2018/HSST ngày 31 tháng 8 năm 2018 đối với:

Bị cáo Phạm Văn Thụy, sinh năm 1970; tại thôn Tính Linh, xã Trung Nghĩa, thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút....., ngày.....tháng.....năm....

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

